QUỐC HỘI KHÓA XIII
UỶ BAN QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1233/BC-UBQPAN13

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2013

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

Thực hiện Chương trình hoạt động năm 2013 và Kế hoạch khảo sát số 1060/KH-UBQPAN13 ngày 17/6/2013 của Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội (UBQPAN) về *"Việc thực hiện chính sách, pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam"* phục vụ thẩm tra dự án Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, từ ngày 30/6/2013 đến ngày 26/7/2013, Thường trực UBQPAN đã nghe báo cáo của một số bộ, ngành hữu quan và tổ chức Đoàn khảo sát tại một số địa phương[1]. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LỆNH NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM TỪ NĂM 2001 ĐẾN HẾT QUÝ II/2013

1. Công tác triển khai thực hiện Pháp lệnh

- Sau khi Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (số 24/1999/PL-UBTVQH10) có hiệu lực thi hành, Chính phủ đã kịp thời ban hành Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh. Tiếp theo đó, từ 2001 đến nay, do nhu cầu quản lý về hoạt động xuất nhập cảnh, Chính phủ đã ban hành 02 nghị định (Nghị định số 15/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 và Nghị định số 97/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010), Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 quyết định (Quyết định số 135/2007/QĐ-TTg ngày 17/8/2007 và Quyết định số 10/2012/QĐ-TTg ngày 10/02/2012). Các bộ, ngành chức năng đã ban hành nhiều thông tư, thông tư liên tịch, quyết định theo thẩm quyền để hướng dẫn và tổ chức thực hiện Pháp lệnh trên phạm vi cả nước.

- Tỉnh ủy, Thành ủy và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, phổ biến và triển khai thực hiện theo thẩm quyền; ban hành các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, quy định và quy chế phối hợp giữa các ngành trong việc tổ chức thực hiện Pháp lệnh gắn

---

[1] Nghe các bộ báo cáo: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại Giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn. Khảo sát tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Sơn La, Hòa Bình, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum (gồm các cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Ngoại vụ, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cửa khẩu, cảng hàng không quốc tế).

với đặc điểm tình hình cụ thể của địa phương, phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Lực lượng quản lý xuất nhập cảnh của Công an, bộ đội Biên phòng và các ngành chức năng đã phối hợp trao đổi thông tin cũng như trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, kiểm soát các hoạt động nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Việc tổ chức tập huấn, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, chiến sĩ chuyên trách được coi trọng; chủ động cải tiến thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú tại Việt Nam. Công tác kiểm tra, thanh tra đã kịp thời khắc phục những sai sót, vướng mắc trong nghiệp vụ, nâng cao trách nhiệm công vụ, phát hiện và xử lý nhiều hành vi vi phạm pháp luật của người nước ngoài tại Việt Nam, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

- Tình hình lao động Trung Quốc tại các dự án Bauxit nhôm vốn được dư luận xã hội hết sức quan tâm đến nay cơ bản đã được giải quyết theo hướng tích cực. Dự án Tân Rai tại Lâm Đồng, theo báo cáo của lãnh đạo huyện chỉ còn khoảng 130 người là quản lý và chuyên gia (lúc cao điểm có trên một ngàn người), số còn lại đã về nước, không có trường hợp nào lấy vợ, chồng hoặc ở lại địa phương.

Có thể khẳng định, Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam đã đi vào cuộc sống, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

2. Tình hình và kết quả thực hiện quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài

Theo báo cáo của các bộ, ngành và địa phương, từ năm 2001 đến nay, tình hình người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại các địa phương ngày càng tăng, trung bình hàng năm tăng từ 20% đến 30%. Tính đến hết tháng 6/2013 đã có 22.791.327 lượt người nước ngoài vào Việt Nam du lịch; có 14.489 dự án của 98 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam ở cả 63 tỉnh, thành phố với số vốn đăng ký là 213,6 tỷ USD. Bên cạnh mặt tích cực về kinh tế - xã hội, đối ngoại, trong hoạt động của người nước ngoài tại nước ta thời gian qua đã có một số biểu hiện thiếu tích cực, thậm chí vi phạm pháp luật và diễn biến ngày càng phức tạp (tình hình cụ thể ở một số tỉnh, thành phố xin xem phụ lục kèm theo).

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc

Theo báo cáo của bộ, ngành hữu quan và các địa phương, công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài đang gặp một số khó khăn, bất cập sau:

a) Trong việc cấp thị thực, thẻ tạm trú và gia hạn tạm trú

- Do pháp lệnh chưa quy định cụ thể về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam nên nhiều doanh nghiệp lợi dụng tư cách pháp nhân để làm dịch vụ cấp thị thực cho người nước ngoài, còn việc họ nhập cảnh, hoạt động, cư trú tại Việt Nam thì doanh nghiệp không biết, không có trách nhiệm, dẫn đến tình trạng gia tăng lao động phổ thông nước ngoài vào làm việc, hoạt động trái mục đích nhập cảnh, một số lang thang, vi phạm pháp luật.

- Chính sách đơn phương miễn thị thực cho công dân một số nước nhằm thu hút khách du lịch, nhưng thực tế tăng không đáng kể nhưng đã làm phát sinh nhiều phức tạp về an ninh trật tự, nhiều người nước ngoài lợi dụng vào theo diện miễn thị thực đã có hoạt động tán phát tài liệu phản động, truyền đạo trái phép, thao túng thị trường du lịch ở trong nước (tự tổ chức tour đưa người nước ngoài vào Việt Nam du lịch ta không quản lý được).

- Ký hiệu các loại thị thực, thẻ tạm trú và điều kiện để cấp các loại thị thực, thẻ tạm trú cho người nước ngoài (Mục V - Thông tư liên tịch số 04/TTLB giữa Bộ Công an và Bộ Ngoại giao ngày 29/01/2002) không còn phù hợp, chưa có quy định loại thị thực riêng cho lao động người nước ngoài, cho người nước ngoài vào học tập, giao lưu văn hóa; điều kiện cấp các loại thị thực thiếu chặt chẽ và cụ thể, gây khó khăn cho công tác quản lý và xử lý vi phạm.

- Tính thống nhất về thời hạn của thị thực và thẻ tạm trú cũng là vấn đề vướng mắc, vì nhiều trường hợp giấy phép lao động còn thời hạn khá dài nhưng không đủ 12 tháng nên không được gia hạn thẻ tạm trú theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Theo đó, tuy còn hạn giấy phép lao động nhưng lại không đủ điều kiện gia hạn thẻ tạm trú nên nhiều trường hợp đã "lách luật" bằng cách xuất cảnh sang Campuchia rồi nhập cảnh trở lại. Quy định về thu hồi giấy phép lao động của người nước ngoài (Điều 175 Bộ luật lao động năm 2012) cũng chưa có hướng dẫn chi tiết nên khó thực hiện.

- Sự phối hợp xét cấp thị thực giữa các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài với cơ quan quản lý trong nước chưa chặt chẽ và kịp thời nên nhiều trường hợp thông tin cấm nhập, cấm xuất đến chậm hơn quyết định của cơ quan xử lý. Có sự dễ dãi trong xét cấp thị thực du lịch, thị thực D nên để lọt số đối tượng vào Việt Nam không phải để du lịch, tìm kiếm cơ hội đầu tư mà thực chất là kiếm việc làm (số này tập trung nhiều ở thành phố Hồ Chí Minh và rất khó quản lý). Trong xử lý vi phạm pháp luật đối với người nước ngoài nhập cảnh theo diện được cấp thị thực D, diện miễn thị thực, theo phản ánh của cơ quan quản lý và các địa phương nhìn chung rất khó khăn do đối tượng này tìm nhiều thủ đoạn để đối phó như chây ỳ không hợp tác, vứt hộ chiếu và các giấy tờ tùy thân, lang thang làm thuê, lừa đảo, khi bị xử phạt hành chính không có tiền nộp. Việc buộc

số đối tượng này xuất cảnh cũng phức tạp vì các địa phương đều phải thuê khách sạn cho họ ở và cử người canh giữ trong quá trình làm thủ tục xuất cảnh.

- Nhiều nước quy định công dân được mang nhiều quốc tịch khác nhau, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 cũng cho phép công dân Việt Nam có quốc tịch nước ngoài được giữ quốc tịch Việt Nam dẫn đến tình trạng một người sử dụng nhiều loại giấy tờ khác nhau khi nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú, hoạt động tại Việt Nam, gây khó khăn cho công tác quản lý và tạo kẽ hở để một số đối tượng lợi dụng hoạt động vi phạm pháp luật Việt Nam.

b) Trong kiểm soát hoạt động xuất nhập cảnh

- Một số tỉnh có đường biên giới đất liền với các nước láng giềng, bên cạnh các cửa khẩu quốc gia, quốc tế còn có nhiều cửa khẩu phụ, đường mòn, lối mở, hàng ngày có hàng trăm lượt người là công dân nước đối diện nhập cảnh, xuất cảnh và tạm trú trong ngày bằng giấy tờ do nước bạn cấp vào thăm thân, du lịch, kinh doanh, buôn bán tại các chợ, trung tâm thương mại... không đăng ký khai báo tạm trú. Việc sử dụng giấy thông hành trong khu vực biên giới nhưng lại tự ý đi sâu vào nội địa Việt Nam để lao động, mua bán, kinh doanh trái phép... đang xảy ra khá phổ biến. Với những quy định hiện hành thì công tác quản lý của chính quyền sở tại và cơ quan chức năng gặp nhiều khó khăn, nhất là việc phát hiện, ngăn chặn hoạt động xuất nhập cảnh trái phép.

- Tại của khẩu thuộc cảng hàng không quốc tế, các điều kiện cần thiết để bảo đảm cho hoạt động kiểm soát xuất, nhập cảnh còn rất khó khăn, nhất là điều kiện bảo đảm nơi lưu trú cho hành khách bị từ chối nhập cảnh, hành khách quá cảnh đi nước thứ ba. Chưa có quy định và quy chế phối hợp giữa các lực lượng chức năng để xử lý các trường hợp hành khách người nước ngoài quá cảnh, nối chuyến mang theo vật phẩm nguy hiểm, vũ khí, công cụ hỗ trợ, gây khó khăn cho công tác giải quyết, xử lý.

- Chính phủ đã cho phép áp dụng chính sách đặc thù đối với người nước ngoài vào một số khu kinh tế cửa khẩu được miễn thị thực nhập cảnh và lưu trú đến 15 ngày. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước đối diện chưa có thỏa thuận về vấn đề này và các địa phương cũng chưa nhận được hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan nên khó khăn trong thực hiện.

- Việc quản lý các cửa khẩu quốc tế còn bị chia cắt: Bộ Công an quản lý cửa khẩu đường hàng không và cửa khẩu đường thủy trong nội địa, Bộ đội Biên phòng (Bộ Quốc phòng) quản lý cửa khẩu đường bộ, đường sắt và cảng biển nên việc trao đổi thông tin liên quan đến hoạt động xuất, nhập cảnh chưa bảo đảm tính cập nhật, tính liên thông nên có lúc, có nơi việc phối hợp xử lý chưa kịp thời.

- Hoạt động kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới trên đất liền không có sự tham gia của lực lượng Công an dẫn đến khó khăn cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh, trật tự xã hội.

- Một số tổ chức phi chính phủ (NGO) lợi dụng thực hiện các dự án viện trợ nhân đạo tiến hành hoạt động xâm hại an ninh quốc gia, song một số cơ quan, tổ chức, cá nhân chưa nhận thức đầy đủ tính chất hai mặt của hoạt động này nên xem nhẹ công tác quản lý cư trú, hoạt động cũng như trao đổi thông tin với người của các tổ chức NGO, thậm chí có nơi để tổ chức này núp dưới danh nghĩa đưa "*tình nguyện viên đến làm cho dự án*" thực chất là tổ chức cho hàng chục người đến du lịch không mất tiền, còn được địa phương đón tiếp trọng thị.

- Theo quy định, Biên phòng cửa khẩu thực hiện cấp thị thực cho người nước ngoài tại cửa khẩu trên cơ sở có sự thông báo xét duyệt nhân sự của Cục quản lý xuất nhập cảnh và cá nhân, tổ chức bảo lãnh phải trực tiếp cầm bản xét duyệt nhân sự lên trình báo Biên phòng cửa khẩu. Thực tế, nhiều trường hợp cá nhân, tổ chức bảo lãnh chỉ gửi thư điện tử cho Biên phòng cửa khẩu còn để khách tự liên hệ xin thị thực làm cho việc cấp thị thực tại cửa khẩu biên phòng rất khó khăn, phức tạp nhất là trường hợp chưa có sự xét duyệt nhân sự của Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

- Quy trình phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan có liên quan còn mang nặng thủ tục hành chính dẫn đến chậm trễ (thông báo giải tỏa đối tượng cấm nhập, cấm xuất từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh đến Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, sau đó Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng gửi cho các trạm cửa khẩu, dẫn đến tình trạng thông báo đến thì việc đã giải quyết xong).

- Phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát, giám định giấy tờ xuất, nhập cảnh tại các cửa khẩu còn thiếu, lạc hậu và không đồng bộ, không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Một số cửa khẩu chưa có khu nhà kiểm soát liên hợp hoặc khu nhà chờ làm thủ tục quá chật hẹp hoặc đã xuống cấp, nhất là trong điều kiện lưu lượng người xuất, nhập cảnh ngày càng tăng.

c) Trong quản lý cư trú, quản lý lao động

- Việc cho phép người nước ngoài được chuyển đổi mục đích trong thị thực đã gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý và là một trong những nguyên nhân để một số doanh nghiệp lợi dụng tư cách pháp nhân để làm dịch vụ gia hạn tạm trú, cấp thẻ tạm trú; đã xuất hiện "doanh nghiệp ma" được thành lập dưới danh nghĩa công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần chỉ với mục đích làm dịch vụ kiếm lời trong việc xin thị thực dài hạn, thẻ tạm trú cho người nước ngoài.

- Pháp lệnh đã quy định về diện đối tượng được xem xét cho thường trú nhưng chưa quy định điều kiện giải quyết cụ thể, gây khó khăn cho việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, nhất là đối với trường hợp người nước ngoài xin thường trú là vợ hoặc chồng của công dân Việt Nam.

- Quy định của Pháp lệnh hiện hành chỉ điều chỉnh việc tạm trú của người nước ngoài tại khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà cho thuê, nhà riêng của thân nhân; trong thực tế người nước ngoài đến Việt Nam du lịch với nhiều hình thức phong phú, tạm trú cũng đa dạng (ngủ dã ngoại, trong nhà dân, nhà do người nước

ngoài đứng tên...) nên cơ quan chức năng và chính quyền các cấp chưa có căn cứ pháp lý để quản lý.

- Quy định cư trú đối với người nước ngoài làm việc trong doanh nghiệp FDI chưa chặt chẽ, nên họ thường lợi dụng để né tránh sự kiểm tra của chính quyền và cơ quan chức năng của địa phương. Một số nơi, người nước ngoài lợi dụng cư trú trong khu công nghiệp (văn phòng làm việc) để giảm chi phí cho cá nhân. Một số doanh nghiệp lợi dụng quy định miễn thị thực của Việt Nam để thu hút đầu tư đã đưa người không phải thành viên Hội đồng quản trị vào danh sách để được miễn thị thực (có trường hợp, khi rà soát danh sách Hội đồng quản trị khoảng hai chục người, cơ quan chức năng đã phát hiện nhiều người không đúng đối tượng).

- Quy định của pháp luật và công tác quản lý lao động nước ngoài còn nhiều bất cập, dẫn đến tình trạng nhiều người nước ngoài (chủ yếu là Trung Quốc và thường là trong dự án đấu thầu EPC) sử dụng thị thực du lịch để làm việc cho các dự án (chủ yếu lao động phổ thông). Hoặc quy định cho phép lao động nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam rồi mới phải xin giấy phép lao động (nếu làm việc trên 3 tháng) và cho phép người nước ngoài vào Việt Nam được phép chuyển đổi mục đích nhập cảnh (khoản 2 Điều 15 Pháp lệnh nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; khoản 2 Điều 16 Nghị định 21/CP ngày 28/5/2001); quy định tại Điều 4 Nghị định 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 về cấp Phiếu lý lịch tư pháp chưa thống nhất với quy định tại Điều 7 Luật lý lịch tư pháp... đã tạo sơ hở để người nước ngoài hoạt động sai mục đích nhập cảnh, gây khó khăn cho công tác quản lý. Đáng chú ý là có một số trường hợp lao động là người nước ngoài vi phạm pháp luật ở địa phương này, không đủ điều kiện gia hạn thị thực, tạm trú đã lợi dụng chuyển sang tỉnh, thành phố khác có chi nhánh, văn phòng đại diện làm thủ tục xin gia hạn.

- Theo quy định số 134/HD-CCK ngày 18/3/2010 của Cục cửa khẩu (Bộ đội Biên phòng) về hướng dẫn xử lý vi phạm quy định về xuất, nhập cảnh và an ninh trật tự của đồn Biên phòng cửa khẩu: Nếu khách nước ngoài tạm trú quá hạn dưới 7 ngày thì Biên phòng nhắc nhở và cho xuất cảnh, nếu trên 7 ngày thì chưa cho xuất cảnh, yêu cầu khách quay về Cục Quản lý xuất nhập cảnh giải quyết. Quy định này không chỉ gây phiền hà cho khách mà còn có thể phát sinh nhiều vấn đề phức tạp khó lường khác trong thời gian khách tìm đến Cục quản lý xuất nhập cảnh để làm thủ tục.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 21/CP về Hướng dẫn thi hành Pháp lệnh xuất nhập cảnh và tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định 34/CP về Quy chế khu vực biên giới đều quy định: *"Người nước ngoài không được cư trú ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác)"*. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay có nhiều người nước ngoài về thăm thân nhân ở khu vực biên giới, nghỉ dưỡng tại các khu du lịch biển đảo và đã có

công ty nước ngoài đầu tư ở khu vực biên giới; do đó quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 21/CP: "*Người nước ngoài có nhu cầu vào khu vực biên giới phải làm thủ tục xin phép tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có khu vực đó*" là khó thực hiện trên thực tế. Quy định này nếu không được nghiên cứu sửa đổi thì rất khó khăn cho công tác quản lý của Biên phòng, chính quyền địa phương và cơ quan Công an.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong quản lý hoạt động kinh doanh của người nước ngoài thời gian qua còn chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ nên chưa kịp thời giải quyết một số vấn đề cần quan tâm như: một số doanh nghiệp tự ý chuyển nhượng dự án, đầu tư núp bóng, nhờ người Việt Nam đứng tên giấy chứng nhận kinh doanh, có khả năng phá sản, nợ lương công nhân, ngừng hoạt động do không có khả năng trả nợ ngân hàng, tư thương người Trung Quốc vào khu vực biên giới cửa khẩu thu mua nông, lâm sản.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý cư trú đối với người nước ngoài còn hạn chế về số lượng, bất cập về chuyên môn, nhất là ngoại ngữ và tin học nên còn bị động, lúng túng trong quản lý cư trú, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với người nước ngoài. Việc tiếp nhận, chuyển phiếu báo tạm trú từ cấp cơ sở xã, phường, thị trấn đến Công an quận, huyện lên Phòng quản lý xuất, nhập cảnh của Công an tỉnh, thành phố vừa chậm, vừa thiếu và sai sót, chưa phục vụ kịp thời công tác quản lý và yêu cầu nghiệp vụ.

d) Trong hoạt động quản lý nhà nước và cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan, lực lượng có chức năng liên quan

- Chế tài xử lý vi phạm đối với người nước ngoài hiện còn thiếu và quy định rải rác ở nhiều văn bản pháp luật. Thủ tục thực hiện rườm rà dẫn đến khó khăn, lúng túng cho lực lượng chức năng khi áp dụng. Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự có một số điều khoản liên quan đến người nước ngoài có nội dung tương tự nhau nhưng mức xử phạt không giống nhau dẫn đến việc hiểu và áp dụng không thống nhất.

- Chưa có cơ chế rõ ràng về trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan tư pháp với các cơ quan khác có liên quan (văn phòng Interpol, các cơ quan thuộc Bộ Ngoại giao...) trong điều tra, xử lý các vụ án có yếu tố nước ngoài. Hành lang pháp lý quy định trình tự, thủ tục cũng như chế tài trong điều tra xử lý các vụ án hình sự liên quan đến người nước ngoài còn nhiều bất cập.

- Việc trục xuất người nước ngoài vi phạm pháp luật rất khó khăn, vì theo quy định của Pháp lệnh hiện hành, người nước ngoài chỉ bị trục xuất khi bị Tòa án Việt Nam hoặc Bộ trưởng Bộ Công an ra quyết định trục xuất. Bên cạnh đó, việc quy định người bị trục xuất phải chịu chi phí trục xuất nhưng không có cơ chế bảo đảm nên khó thực hiện quy định này.

- Quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, mối quan hệ phối hợp và điều kiện bảo đảm trong việc từ chối nhập cảnh, cấm xuất cảnh và giải tỏa xuất cảnh

cho người nước ngoài không chặt chẽ, gây khó khăn cho việc thực hiện của cơ quan chức năng và của người nước ngoài.

- Trong giải quyết hồ sơ, thủ tục về hộ tịch, quốc tịch với người nước ngoài, nhất là về hôn nhân và gia đình, việc phát hiện và xử lý vi phạm gặp rất nhiều khó khăn do không có đầy đủ chứng cứ pháp lý và thiếu hành lang pháp luật để xử lý.

- Việc xử lý vi phạm của người nước ngoài trên các lĩnh vực khác (giao thông, văn hóa, giáo dục, y tế...) còn nhiều bất cập, các sai phạm của người nước ngoài chưa được phát hiện và xử lý kịp thời do cơ quan chủ trì xử lý vi phạm trên từng lĩnh vực còn né tránh, ngại va chạm khi có yếu tố nước ngoài (trong đó ngoại ngữ là một rào cản đối với người thực thi công vụ).

- Việc phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan có chức năng, nhất là thông tin giữa Cục Quản lý xuất, nhập cảnh - Bộ Công an với Bộ đội biên phòng và các đơn vị quản lý xuất, nhập cảnh ở công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các đồn Biên phòng cửa khẩu, cảng biển quốc tế chưa chặt chẽ, chia cắt, gây khó khăn cho giải quyết công việc khi làm thủ tục xuất, nhập cảnh, xử lý vụ việc vi phạm, tạo sơ hở trong công tác quản lý người nước ngoài.

e) Những vấn đề khác

- Chưa có quy định thống nhất mô hình quản lý cơ sở vật chất trạm liên hợp cửa khẩu trên đất liền. Trang bị kỹ thuật và các điều kiện bảo đảm, nhất là hệ thống mạng tin học vừa thiếu và lạc hậu, không đáp ứng được khối lượng công việc do lượng người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam ngày càng tăng.

- Theo quy định của Bộ Tài chính, việc trích 30% nguồn thu được từ lệ phí xuất, nhập cảnh chỉ được sử dụng để mua trang bị, phương tiện kỹ thuật cho lực lượng trực tiếp làm công tác quản lý xuất, nhập cảnh, trong khi đó, công tác quản lý cư trú đối với người nước ngoài do nhiều lực lượng tham gia nhưng không thể sử dụng khoản chi trên để trang bị phương tiện kỹ thuật cho lực lượng này.

2. Nguyên nhân

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và quy định pháp luật về các lĩnh vực khác có liên quan đến người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thiếu đồng bộ, cụ thể và tính khả thi; một số quy định không còn phù hợp so với thực tế. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện thiếu thống nhất, còn sơ hở để tổ chức, cá nhân lợi dụng vi phạm. Chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật vừa thiếu vừa chưa đủ sức giáo dục và răn đe.

- Công tác quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam thiếu đồng bộ, thống nhất giữa yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội với yêu cầu đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội, bị phân tán, manh mún và chia cắt. Sự phân công trách nhiệm giữa Bộ Công an với

các bộ, ngành hữu quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong công tác quản lý người nước ngoài chưa cụ thể nên có lúc có nơi còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm. Nhận thức của các cấp, các ngành về công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam chưa sâu, trách nhiệm chưa tương xứng, cá biệt có nơi còn buông lỏng. Đã xuất hiện việc UBND tỉnh tự đặt ra quy định trái pháp luật khi buộc người nước ngoài xuất trình giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ thuế thì mới được xem xét cấp thẻ tạm trú, thị thực, gia hạn tạm trú (tương tự như một số địa phương đặt ra quy định chỉ xác nhận giấy tờ cho con đi học đại học nếu bố mẹ không nợ thuế).

- Nội dung văn bản phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú chỉ mang tính chất trao đổi, gần như không có tính ràng buộc trách nhiệm, do vậy chất lượng và hiệu quả không cao.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về xuất, nhập cảnh chưa được quan tâm đúng mức, nhất là chưa thường xuyên tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để công dân, cơ quan, tổ chức biết, tham gia giám sát và thực hiện.

- Các điều kiện bảo đảm cần thiết về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật còn rất hạn chế.

III. KIẾN NGHỊ

Qua khảo sát, các bộ, ngành liên quan và các địa phương đã nêu nhiều kiến nghị. Sau đây, Đoàn xin tập hợp những kiến nghị chủ yếu có liên quan trực tiếp đến nội dung quy định của Pháp lệnh hiện hành và để tham khảo trong việc hoàn thiện dự án Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Cụ thể như sau:

1. Ý kiến chung

Cơ quan, đơn vị và địa phương đều đề nghị Quốc hội sớm ban hành Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Việc xây dựng Luật này phải bảo đảm chặt chẽ, phù hợp với thực tiễn và năng lực quản lý; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các luật có liên quan (Luật ký kết, gia nhập và thực hiện các điều ước quốc tế, Luật biên giới quốc gia, Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ luật hàng hải, Bộ luật hình sự, Luật cư trú, Luật quốc tịch, Luật lao động, Luật hải quan, Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật xử lý vi phạm hành chính và thông lệ quốc tế ....)

2. Một số kiến nghị cụ thể

a) Trong việc xét cấp thị thực, thẻ tạm trú và gia hạn tạm trú

- Quy định cụ thể người nước ngoài có nhiều quốc tịch khác nhau khi nhập cảnh Việt Nam sử dụng hộ chiếu quốc tịch nào thì phải sử dụng hộ chiếu quốc tịch đó trong mọi vấn đề có liên quan cho đến khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

- Quy định rõ quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài khi nhập cảnh, cư trú tại Việt Nam (hiện chưa có quy định).

- Cần quy định rõ quyền, trách nhiệm (quan trọng nhất là ràng buộc trách nhiệm) của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc mời, bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam; các biện pháp chế tài đủ sức giáo dục và răn đe đối với các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là tái phạm. Không nên cho phép các công ty du lịch bảo lãnh làm thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam làm việc, lao động.

- Thị thực hoặc các loại giấy tờ có liên quan đến nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài nên nghiên cứu quy định trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật để thuận tiện trong tra cứu, áp dụng. Nên đồng nhất thời hạn cấp thị thực với thời hạn tạm trú (trừ đối tượng thuộc diện miễn thị thực); quy định cụ thể điều kiện cấp đối với từng loại thị thực cụ thể; bổ sung việc cấp thị thực nhập cảnh với mục đích lao động. Cân nhắc điều chỉnh thời hạn thẻ tạm trú kéo dài đến 5 năm để thống nhất với quy định của Luật đầu tư.

- Cân nhắc việc đơn phương miễn thị thực cho công dân một số nước như hiện nay.

- Nghiên cứu mở rộng hơn nữa đối tượng được cấp thị thực tại của khẩu quốc tế; nên quy định rõ điều kiện để được cấp thị thực D theo hướng chặt chẽ hơn và gắn với trách nhiệm của người có thẩm quyền cấp thị thực tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

- Quy định cụ thể việc miễn thị thực, hủy thị thực và quy định loại đối tượng, điều kiện và hành vi vi phạm pháp luật của người nước ngoài chưa đến mức trục xuất thì phải có chế tài hủy thị thực, buộc xuất cảnh hoặc rút ngắn thời hạn thị thực.

- Đề nghị các bộ, ngành trung ương liên quan ban hành văn bản hướng dẫn việc cho phép cư dân Trung Quốc cư trú tại các huyện, thị có chung đường biên giới với Việt Nam nhập cảnh vào khu kinh tế cửa khẩu bằng giấy chứng minh thư biên giới hoặc giấy thông hành biên giới; cho phép người nước ngoài không thuộc diện miễn thị thực được miễn thị thực vào khu kinh tế cửa khẩu; cho phép Công an tỉnh xét duyệt nhân sự cấp thị thực cho người nước ngoài thuộc diện miễn thị thực tại khu kinh tế cửa khẩu đến địa phương khác ngoài khu kinh tế cửa khẩu.

- Quy định người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam phải có giấy phép lao động và giấy phép nhập cảnh.

- Quy định người nước ngoài phải có giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam quản lý nhà nước về lao động cấp trước khi xem xét cấp thị thực; không cho phép chuyển đổi mục đích nhập cảnh như nhiều quốc gia khác đang áp dụng.

- Hoàn thiện quy định các loại thị thực, thẻ tạm trú và điều kiện để được cấp các loại thị thực, thẻ tạm trú theo hướng khoa học, dễ nhận biết theo mục đích

nhập cảnh như: đầu tư, lao động, học tập, du lịch, thăm thân, kết hôn, nhận con nuôi, giải quyết công việc cấp bách khác...

- Khoản 1 Điều 10 của dự thảo Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam quy định điều kiện được cấp thị thực hộ chiếu phải còn thời hạn ít nhất 180 ngày. Quy định như vậy sẽ mất cơ hội thu hút khách du lịch vì có trường hợp khách đến Campuchia du lịch nhưng được biết Việt Nam gần Campuchia nên vào Việt Nam du lịch một vài ngày nhưng hộ chiếu không đủ thời gian theo quy định. Theo đó nên chăng chỉ cần quy định hộ chiếu còn thời hạn ít nhất 90 ngày là phù hợp.

- Đề nghị nâng cao chất lượng các loại giấy tờ xuất nhập cảnh như thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú (độ bền, không bị nhòe)..., mẫu thẻ tạm trú nên sử dụng dấu nổi để bảo đảm tính pháp lý và thuận lợi khi có nhu cầu sao y, thị thực.

b) Trong kiểm soát hoạt động xuất nhập cảnh

- Quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền và điều kiện bảo đảm trong việc thực hiện các quy định về việc chưa cho nhập cảnh, tạm hoãn xuất cảnh, buộc xuất cảnh, trục xuất người nước ngoài...

- Quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc quản lý, xử lý và điều kiện bảo đảm đối với trường hợp hành khách người nước ngoài bị từ chối nhập cảnh hoặc vi phạm pháp luật tại cửa khẩu là sân bay quốc tế.

- Việc giải tỏa xuất cảnh cho người nước ngoài cần phải quy định cụ thể trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và có thời hạn rõ ràng.

c) Trong quản lý cư trú, quản lý lao động

- Quy định chặt chẽ, cụ thể hơn về đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền xem xét, giải quyết cho người nước ngoài được thường trú tại Việt Nam.

- Quy định cụ thể trường hợp người nước ngoài được cư trú trong khu vực biên giới để bảo đảm cơ sở pháp lý cho Bộ đội Biên phòng, chính quyền địa phương và cơ quan Công an quản lý.

- Nên quy định cho phép khách quá cảnh tại cảng hàng không quốc tế, cảng biển được tạm thời nhập cảnh để tham quan, du lịch trong thời gian đợi quá cảnh.

- Tại khoản 2 Điều 33 của dự thảo Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam đề nghị bổ sung thêm nội dung thực hiện cấp chứng nhận tạm trú tại cửa khẩu cho người nước ngoài khi nhập cảnh Việt Nam.

- Cần quy định việc nối mạng truyền dữ liệu tạm trú của người nước ngoài đối với các cơ sở kinh doanh lưu trú thành điều kiện bắt buộc khi đăng ký kinh doanh (đối với nơi đủ điều kiện).

- Trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động của người nước ngoài, đề nghị quy định phải có lý lịch tư pháp của nước mà người nước ngoài cư trú trước

khi đến Việt Nam cấp; trường hợp ở Việt Nam trên 3 tháng thì bên cạnh lý lịch tư pháp nước ngoài phải có thêm lý lịch tư pháp của Việt Nam để bảo đảm thực hiện đúng quy định tại Điều 169 Bộ Luật lao động 2012 về điều kiện lao động là người nước ngoài. Sớm ban hành hướng dẫn việc thu hồi giấy phép lao động của người nước ngoài quy định tại Điều 175 Bộ Luật lao động 2012.

- Đề nghị quy định cư trú của người nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp tại khu công nghiệp, khu chế xuất trong Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cứ trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

d) Trong hoạt động quản lý nhà nước và cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan, lực lượng có chức năng liên quan

- Mở rộng hơn đối tượng và phạm vi điều chỉnh của dự án Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam so với Pháp lệnh hiện hành. Nên có chương riêng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng quản lý xuất nhập cảnh theo hướng quy định rõ việc tổ chức và cơ chế phối hợp đối với lực lượng làm nhiệm vụ quản lý xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu.

- Quy định cụ thể trách nhiệm cụ thể của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong công tác quản lý người nước ngoài.

- Quy định rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, tránh tình trạng phân tán, chia cắt, không đồng bộ như hiện nay; đồng thời quy định về phân công, phân cấp, cơ chế phối hợp, cung cấp, trao đổi thông tin gắn với trách nhiệm cụ thể của các cơ quan có chức năng phối hợp với cơ quan chủ trì trong việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đối với người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú tại Việt Nam.

- Cần xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia quản lý hoạt động xuất nhập cảnh và cư trú của người nước ngoài sử dụng chung cho các cơ quan chuyên trách và tiến tới mở rộng cho bất kỳ ai có nhu cầu truy cập. Quy định việc nối mạng thông tin nội bộ trong hệ thống cơ quan quản lý xuất nhập cảnh từ Trung ương đến địa phương trong toàn quốc. Quy định điều kiện bắt buộc các cơ sở kinh doanh chứa trọ người nước ngoài phải khai báo tạm trú qua đường truyền số liệu hoặc mạng Internet đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trung ương hoặc địa phương.

e) Những vấn đề khác

- Quy định cụ thể về khu vực cấm người nước ngoài, về nơi lưu giữ và điều kiện bảo đảm cho việc giữ người nước ngoài vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất nhập cảnh trong thời gian chờ xử lý.

- Xem xét lại quy định về điều kiện người nước ngoài kết hôn với công dân Việt Nam.

- Hiện nay, công dân một số nước Châu Âu thuộc diện miễn thị thực thường đi du lịch cá nhân, không có bảo lãnh và mang theo xe mô tô khi vào Việt Nam, theo quy định thì trường hợp này không cho phép làm thủ tục tạm nhập tái

xuất phương tiện và dẫn đến khách không được phép nhập cảnh mặc dù được miễn thị thực. Vì vậy, để thu hút khách du lịch, cần nghiên cứu sửa đổi quy định có liên quan của Luật hải quan.

- Đề nghị quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu; xây dựng đồng bộ hệ thống mạng máy tính phục vụ cho công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; mở rộng diện đối tượng được sử dụng khoản kinh phí trích từ 30% nguồn thu lệ phí xuất nhập cảnh, cho phép lực lượng làm công tác quản lý xuất nhập cảnh được chủ động sử dụng lệ phí xuất nhập cảnh vào mục đích trang bị phương tiện phục vụ cho các lực lượng tham gia vào công tác quản lý cư trú của người nước ngoài.

- Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung các quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

- Sớm ký Hiệp định về phương tiện vận tải đường bộ với nước đối điện để quản lý các phương tiện vận tải trong khu vực kinh tế cửa khẩu của hai bên.

- Sớm bố trí kinh phí xây dựng 137 km đường tuần tra biên giới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thuộc Dự án 747 do Bộ Quốc phòng làm chủ đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý xuất nhập cảnh của người nước ngoài trên địa bàn.

- Cần thống nhất mô hình quản lý trạm liên hợp cửa khẩu đường bộ quốc tế, quốc gia; quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan này trong việc bảo đảm cơ sở vật chất, trang bị và các điều kiện khác phục vụ cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị chuyên ngành làm nhiệm vụ tại cửa khẩu.

Trên đây báo cáo kết quả khảo sát tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại một số bộ, ngành hữu quan và thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, các tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Sơn La, Hòa Bình, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum./.

Nơi nhận:
- Đ/c UBTVQH (để báo cáo);
- TT UBQPAN;
- Thành viên UBQPAN; các bộ, đơn vị, địa phương được khảo sát;
- Lưu VT, Vụ QPAN.

Số E-pas: 65405

TM. UỶ BAN QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
KT. CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM

Lê Việt Trường

PHỤ LỤC
Tình hình và kết quả công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại các địa phương từ năm 2001 đến hết tháng 6 năm 2013

1. Thành phố Hà Nội

- Từ năm 2001 đến tháng 6/2013 đã có 13.204.953 lượt người nước ngoài nhập cảnh khai báo tạm trú trên địa bàn thành phố Hà Nội và tăng liên tục qua từng năm[(1)].

- Đã giải quyết cấp thị thực, gia hạn tạm trú cho 138.157 trường hợp, cấp 7172 thẻ tạm trú cho người nước ngoài. Trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện có 1067 văn phòng đại diện nước ngoài với 1082 người nước ngoài thuộc 65 nước và vùng lãnh thổ đang làm việc; 2.787 dự án đầu tư có vốn nước ngoài đang hoạt động với 4.517 người nước ngoài làm việc; 695 doanh nghiệp trong nước sử dụng 1.169 người nước ngoài làm việc; 221 cơ sở giáo dục với 7.155 người nước ngoài là giáo viên và lưu học sinh; 8.898 cơ sở có người nước ngoài tạm trú; 14 Việt kiều đăng ký thường trú, 575 Việt kiều thăm thân tạm trú dài hạn; 02 kiều dân nước ngoài mang quốc tịch Nga; 228 người nước ngoài tạm trú dài hạn kết hôn với công dân Việt Nam.

- Tình hình cư trú và hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn Thủ đô Hà Nội cơ bản là ổn định, có những đóng góp tích cực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, đã và đang xuất hiện những hoạt động phức tạp của người nước ngoài về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội như đưa người của các tổ chức phản động lưu vong nhập cảnh vào Việt Nam bằng giấy miễn thị thực để kích động biểu tình, gây rối; phóng viên của một số hãng thông tin, báo chí nước ngoài tích cực thu thập tin tức liên quan đến hoạt động tôn giáo trái phép, hoạt động chống đối của các đối tượng cơ hội chính trị... Hoạt động trái mục đích nhập cảnh diễn biến ngày càng phức tạp và đa dạng, từ hoạt động truyền đạo trái phép, kinh doanh trái phép, hành nghề trái phép, tổ chức du lịch trái phép... đến hoạt động phạm tội. Qua theo dõi từ năm 2001 đến hết 6 tháng đầu năm 2013, đã có 288 vụ người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam, trong đó có 131 vụ phạm pháp hình sự với tính chất tội phạm ngày càng nghiêm trọng (có 05 vụ giết người, 01 vụ bắt cóc trẻ em, 02 vụ tàng trữ vũ khí, 07 vụ vận chuyển, tàng trữ, sử dụng ma túy, 63 vụ lừa đảo...) 55 gây rối trật tự công cộng.

[(1)] Năm 2001: 520.218 lượt người; Năm 2002: 729.938 lượt người; năm 2003: 741.661 lượt người; năm 2004: 886.963 lượt người; năm 2005: 1.029.663 lượt người; năm 2006: 1.016.068 lượt người; năm 2007: 1.123.450 lượt người; năm 2008: 1.290.868 lượt người; năm 2009: 1.008.708 lượt người; năm 2010: 1.163.416 lượt người; năm 2011: 1.264.805 lượt người; năm 2012: 1.524.437 lượt người; 6 tháng đầu năm 2013: 904.758 lượt người.

Tình hình người nước ngoài nhập cảnh trái phép, đi quá phạm vi cho phép qua giấy thông hành ngày càng tăng; đã phát hiện, xử lý hàng trăm trường hợp là công dân của một số nước nhập cảnh Việt Nam để tìm đường đi nước thứ ba.

Tại một số khu vực như Mỹ Đình, Trung Hòa - Nhân Chính là nơi tập trung đông người nước ngoài cư trú đã hình thành tự phát các nhóm cộng đồng người Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan là vấn đề cần được tiếp tục theo dõi để có biện pháp quản lý phù hợp.

- Công tác quản lý nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội trong những năm qua đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các yêu cầu về chính trị, ngoại giao, kinh tế - xã hội. Công tác quản lý tạm trú đã cơ bản nối mạng máy tính với các cơ sở lưu trú (đạt khoảng 95%). Qua công tác quản lý đã phát hiện, bắt giữ 11 đối tượng là tội phạm quốc tế bị truy nã, 03 đối tượng tội phạm do phía Trung Quốc đề nghị phối hợp truy tìm, bắt giữ; truy tìm thông tin về 06 đối tượng nghi vấn khủng bố quốc tế; phát hiện, xử lý 3.594 trường hợp vi phạm pháp luật về xuất, nhập cảnh, trong đó phạt tiền 6.349.575.000 đồng, buộc xuất cảnh 804 người, cảnh cáo 1.037 người.

2. Thành phố Hồ Chí Minh

- Từ năm 2001 đến tháng 6/2013 đã có 18.653.691 lượt người nước ngoài đến đăng ký khai báo tạm trú tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, năm sau cao hơn năm trước[(2)].

- Từ năm 2001 đến tháng 6/2013, Công an thành phố Hồ Chí Minh đã cấp thị thực và gia hạn lưu trú cho 582.074 lượt người lao động nước ngoài. Cấp 72.472 lượt thẻ tạm trú cho người nước ngoài có giấy phép lao động và số thuộc diện miễn giấy phép lao động cùng thân nhân đi theo.

- Trong 6 tháng đầu năm 2013, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã cấp 3.839 lượt giấy phép lao động cho người nước ngoài, đến nay đã có 31.459 lượt người nước ngoài thuộc 73 quốc gia được cấp giấy phép lao động, trong đó có 17.333 giấy phép còn thời hạn. Tuy nhiên, số doanh nghiệp có sử dụng lao động nước ngoài có khai báo chiếm tỷ lệ rất thấp; qua công tác nắm tình hình cho thấy chỉ có 550/7.500 doanh nghiệp (khoảng 7,3%) sử dụng lao động nước ngoài có báo cáo tình hình với cơ quan quản lý.

Thành phố Hồ Chí Minh có 15 khu chế xuất, khu công nghiệp với số lượng lao động nước ngoài thống kê được là 1.907 người, trong đó số chưa có giấy phép lao động là 94 người (chiếm tỷ lệ 5%).

---

(2) Năm 2001: 850.617 lượt người; Năm 2002: 1.082.721 lượt người; năm 2003: 887.112 lượt người; năm 2004: 1.117.455 lượt người; năm 2005: 1.300.203 lượt người; năm 2006: 1.333.793 lượt người; năm 2007: 1.711.062 lượt người; năm 2008: 1.675.159 lượt người; năm 2009: 1.612.868 lượt người; năm 2010: 2.204.776 lượt người; năm 2011: 2.532.854 lượt người; năm 2012: 1.518.541 lượt người; 6 tháng đầu năm 2013: 826.530 lượt người.

Trong thời gian gần đây, địa phương đã phát hiện, xử lý 9 công ty, doanh nghiệp khai sai sự thật khi làm thủ tục bảo lãnh cho lao động người nước ngoài, 3 doanh nghiệp có vốn đầu tư từ Nigeria không có trụ sở hoạt động trên thực tế. Đặc biệt đáng chú ý nổi lên là tình hình người lao động mang quốc tịch Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc tìm cách lưu trú ở Việt Nam trên 6 tháng để được sử dụng lý lịch tư pháp cho Việt Nam cấp nhằm lập hồ sơ cấp phép lao động. Một số trường hợp lợi dụng nhập cảnh Việt Nam với mục đích du lịch nhưng thực chất là lao động trái phép, chủ yếu là lao động đơn giản (giữ trẻ, bán hàng rong...). Tình trạng quá hạn lưu trú diễn ra phổ biến, tình hình người nước ngoài vi phạm pháp luật, phạm tội cũng diễn ra phức tạp (trộm cắp, vận chuyển ma túy, buôn lậu, lừa đảo, sử dụng thẻ tín dụng giả, tội phạm công nghệ thông tin, tệ nạn xã hội...). Sau khi xử lý đã buộc xuất cảnh 1.235 trường hợp.

- Trong năm 2012, Sở Tư pháp đã cấp lý lịch tư pháp cho 2.829 trường hợp là người nước ngoài để xin giấy phép lao động hoặc xin thường trú, tạm trú tại Việt Nam; giải quyết 2.440 hồ sơ kết hôn có yếu tố nước ngoài, 82 hồ sơ nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài.

3. Thành phố Đà Nẵng

- Từ 2001 đến 15/5/2013 đã có 1.297.136 lượt người nước ngoài và Việt kiều (1.201.567 lượt người nước ngoài; 95.569 lượt Việt kiều) tạm trú trên địa bàn; tiếp nhận, giải quyết thủ tục cấp thẻ tạm trú, thị thực, gia hạn tạm trú cho 31.005 lượt người. Người nước ngoài đến Đà Nẵng có xu hướng tăng dần theo từng năm với nhiều quốc tịch khác nhau, trong đó đông nhất là quốc tịch Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật, Pháp... Mục đích nhập cảnh đa dạng, song nhiều nhất là du lịch, đầu tư.

Hiện nay có 13 người nước ngoài, 57 Việt kiều thường trú trên địa bàn.

- Nhìn chung, công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại địa phương thực hiện nghiêm túc, đúng pháp luật, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế. Bên cạnh đó hoạt động quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú vẫn còn những hạn chế nhất định.Tình trạng người nước ngoài lao động không phép và vi phạm pháp luật có xu hướng tăng, tập trung vào một số hành vi:

+ Đầu tư không chính thức (đầu tư chui - người nước ngoài đầu tư song thuê người Việt Nam đứng tên thành lập doanh nghiệp);

+ Lao động tự do không phép (tự tìm kiếm việc làm tại một số cơ sở, doanh nghiệp, chủ yếu là dạy ngoại ngữ);

+ Đưa người vào lao động trái phép (một số công trình, dự án xây dựng, doanh nghiệp đưa người nước ngoài vào làm việc tại công trình, doanh nghiệp không đúng quy định, không bảo đảm các thủ tục, lợi dụng kẽ hở pháp luật);

+ Nhiều người nước ngoài thành lập doanh nghiệp, đăng ký tạm trú nhưng không đầu tư, kinh doanh mà tiến hành hoạt động khác hoặc đi nơi khác (địa phương không quản lý được);

+ Có hiện tượng người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam để được ở lại Việt Nam làm ăn, sinh sống lâu dài.

- Từ 2001 đến nay, cơ quan chức năng của Đà Nẵng đã xử lý 835 trường hợp người nước ngoài vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh, chủ yếu là hành vi cư trú quá hạn hoặc không khai báo tạm trú. Trong đó, người mang quốc tịch Trung Quốc chiếm tỉ lệ cao nhất. Đáng chú ý là có 20 trường hợp người Trung Quốc nhập cảnh trái phép để đi nước thứ ba.

4. Tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu

- Từ năm 2001 đến tháng 10/2010 có 295.057 lượt người nước ngoài nhập cảnh qua sân bay Tân Sơn Nhất khai về tạm trú tại tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu (số liệu do A72 Bộ Công an thông báo về địa phương qua mạng máy tính).

- Từ năm 2001 đến tháng 6 năm 2013 có 1.122.097 lượt người nước ngoài đến lưu trú tại tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu; trong đó mục đích du lịch là 612.932 lượt, lao động là 46.144 lượt, thăm thân nhân là 15.299 lượt, mục đích khác là 437.962 lượt.

- Người nước ngoài tạm trú lâu dài tại tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu tính đến thời điểm hiện tại là 2.210 người; trong đó có 1148 người thuộc các nước SNG làm việc tại Liên doanh dầu khí Việt Nga Vietsopetro, 1.062 người làm việc tại các công ty, văn phòng đại diện...

Có 116 người kết hôn với phụ nữ Việt Nam lưu trú tại nhà riêng; 31 người không đăng ký kết hôn sống chung với phụ nữ Việt Nam; 28 người kinh doanh nhà hàng, quán bar; 422 người nước ngoài của 99 công ty lưu trú trong các khu công nghiệp.

- Hiện có 351 nhà tư nhân, khu tập thể có người tạm trú, gồm: 71 nhà người nước ngoài mua để ở, 263 nhà cho người nước ngoài thuê, 17 nhà tập thể của cơ quan, doanh nghiệp với 498 người nước ngoài lưu trú.

- Tổng số người nước ngoài đã được cấp phép lao động là 1.523 người/2.172 người; trong đó làm việc trong các khu công nghiệp là 828 người (đều có giấy phép lao động), làm ngoài các khu công nghiệp là 1.344 người (có 625 người chưa có giấy phép lao động).

5. Tỉnh Tây Ninh

- Từ năm 2001 đến tháng 6/2013 có 68.370 lượt người nước ngoài đến đăng ký khai báo tạm trú tại địa bàn tỉnh Tây Ninh, với số lượng năm sau cao hơn năm trước[3].

---

[3] Năm 2001: 3.259 lượt người; năm 2002: 3.573 lượt người; năm 2003: 3.635 lượt người; năm 2004: 4.112 lượt người; năm 2005: 5.708 lượt người; năm 2006: 6.007 lượt người; năm 2007: 6.124 lượt

Trong đó 288 đoàn khách quốc tế gồm 1.793 lượt người có mục đích vào để hoạt động trên lĩnh vực kinh tế, 478 đoàn gồm 2.424 lượt người có mục đích vào để hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - xã hội. Có 2.919 người nước ngoài đến cư trú để đầu tư, làm việc tại Tây Ninh và thân nhân đi cùng; 6.640 lượt người nước ngoài vào khu vực biên giới với mục đích thăm thân, du lịch. Có 637.678 lượt người nước ngoài đến tham quan Tòa thánh Cao đài Tây Ninh đi về trong ngày từ thành phố Hồ Chí Minh bằng xe ô tô.

- Số lượng người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh tiếp tục gia tăng, năm sau cao hơn năm trước[4]. Từ năm 2001 đến tháng 6/2013 có 4.330.589 lượt người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế Mộc Bài và Xa Mát, Bộ đội Biên phòng cấp thị thực tại Cửa khẩu 14.678 visa và sang 908 visa. Lực lượng Bộ đội Biên phòng qua công tác kiểm tra, kiểm soát đã phát hiện và xử lý 464 vụ người nước ngoài vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh..

- Từ năm 2012 đến tháng 6/2013, Công an Tây Ninh đã cấp, gia hạn thị thực cho 470 lao động nước ngoài nhập cảnh dưới 3 tháng hoặc gia hạn thêm 1 tháng để được cấp phép lao động; cấp thẻ tạm trú cho 1.158 người nước ngoài lao động tại Tây Ninh thuộc diện miễn giấy phép lao động. Hiện còn 146 lao động nước ngoài chưa có giấy phép lao động.

- Tính đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn Tây Ninh có 207 dự án FDI, tổng số người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là 1.419 người, trong đó 84 người thuộc diện miễn giấy phép lao động, có giấy phép lao động là 1.189, chưa có giấy phép lao động là 146 người.

6. Tỉnh Kon Tum

- Từ năm 2001 đến hết quý II/2013 đã có 46.192 lượt người nước ngoài (chủ yếu mang quốc tịch Pháp, Anh, Lào, Căm-pu-chia, Mỹ...), 2.422 lượt Việt kiều nhập cảnh. Mục đích chủ yếu là du lịch và nghiên cứu thị trường, xúc tiến đầu tư, thương mại. Đáng chú ý là có nhiều tổ chức phi Chính phủ (từ 2006 đến nay có 32 tổ chức) đến Kon Tum triển khai thực hiện 157 dự án nhưng số kinh phí thấp (tổng cộng trên 16 triệu USD/157 dự án), tập trung tại các địa bàn nhạy cảm (vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào theo đạo Thiên Chúa). Ngoài ra có một số đối tượng trước đây là ngụy quân, ngụy quyền, Fulro nhập cảnh, có hoạt động phức tạp, gây khó khăn cho công tác quản lý.

---

người; năm 2008: 6.292 lượt người; năm 2009: 6.459 lượt người; năm 2010: 6.681 lượt người; năm 2011: 6.725 lượt người; năm 2002: 6.783 lượt người; 6 tháng đầu năm 2013: 3.012 lượt người.

[4] Năm 2001: 33.193 lượt người; năm 2002: 77.665 lượt người; năm 2003: 100.207 lượt người; năm 2004: 148.963 lượt người; năm 2005: 207.106 lượt người; năm 2006: 218.468 lượt người; năm 2007: 348.154 lượt người; năm 2008: 407.823 lượt người; năm 2009: 503.121 lượt người; năm 2010: 563.883 lượt người; năm 2011: 687.994 lượt người; năm 2002: 879.321 lượt người. 6 tháng đầu năm 2013: 154.691 lượt người.

- Trên địa bàn Kon Tum hiện có 261 người Trung Quốc đang lao động (chủ yếu là làm công trình Nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum do nhà thầu Trung Quốc trúng thầu), trong đó 188 người có giấy phép, còn lại đang làm thủ tục xin phép.

- Nổi lên đáng chú ý một số hành vi vi phạm của người nước ngoài như: Một số cá nhân tìm hiểu tình hình dân tộc, tôn giáo và hoạt động tôn giáo trái pháp luật, gây phức tạp tình hình; tạm trú quá hạn; lao động trái pháp luật. Từ 2001 đến nay, các cơ quan chức năng của Kon Tum đã xử lý 50 trường hợp người nước ngoài vi phạm, trong đó có trường hợp buôn bán ma túy, vũ khí quân dụng...

7. Tỉnh Lâm Đồng

- Từ năm 2001 đến tháng 6/2013 có 1.304.639 lượt người nước ngoài, Việt kiều đến đăng ký khai báo tạm trú tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng (978.616 người nước ngoài, 326.036 Việt kiều) với nhiều mục đích khác nhau.

- Toàn tỉnh có 947 cơ sở kinh doanh cho người nước ngoài thuê lưu trú, 105 cơ sở cho người nước ngoài thuê nhà; công tác quản lý cư trú của người nước ngoài thực hiện tương đối tốt, các khách sạn lớn đều nối mạng đăng ký khách với phòng xuất nhập cảnh Công an tỉnh.

- Tính đến ngày 30/6/2013, Công an tỉnh đã gia hạn tạm trú cho 15.780 lượt người nước ngoài – Việt kiều, cấp thẻ 446 tạm trú và 07 thẻ thường trú; tiếp nhận giải quyết 323 trường hợp công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài xin đăng ký thường trú ở địa phương (có 224 trường hợp sử dụng hộ chiếu nước ngoài, 99 trường hợp sử dụng hộ chiếu Việt Nam, 77 trường hợp đã chết, 103 trường hợp có mặt tại địa phương, 143 trường hợp không có mặt tại địa phương).

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang có 112 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động, tổng số người nước ngoài làm việc, lao động là 275 người. Lao động người Trung Quốc tại dự án Bauxit nhôm Tân Rai thời điểm hiện tại là 133 người (thời điểm cao nhất năm 2009 là 1.274 người).

Tính từ năm 2009 đến nay, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã cấp 1447 giấy phép lao động cho người nước ngoài (có 1106 giấy phép cho lao động người Trung Quốc); nhìn chung lao động người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp đều chấp hành tốt pháp luật và các quy định về xuất, nhập cảnh.

- Từ ngày khởi công dự án Bauxit nhôm Tân Rai đến nay đã phát hiện 10 trường hợp phụ nữ Việt Nam có quan hệ sống như vợ chồng với công nhân Trung Quốc (05 phụ nữ có hộ khẩu thường trú tại địa phương, 02 trường hợp có hôn thú, 01 trường hợp đã có con).

- Từ 2001 đến 30/6/2013, Sở Tư pháp đã tiếp nhận giải quyết cho 2.233 trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài.

- Đa số người nước ngoài đến Lâm Đồng chấp hành đúng pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên có một số trường hợp đã có vi phạm pháp luật, gây phức tạp về an ninh trật tự như tìm cách thu thập thông tin về tình hình tôn giáo, dân tộc, gây

rối trật tự công cộng, lừa đảo, tán phát tài liệu kinh thánh trái phép... Một số doanh nghiệp đưa nhiều lượt người nước ngoài sử dụng thị thực du lịch (C1) đến địa phương làm việc không có giấy phép lao động, không khai báo tạm trú. Một số khách du lịch mang theo lều bạt ngủ trong rừng gây khó khăn cho công tác quản lý, thuê xe máy tự điều khiển đi vào vùng sâu, vùng xa gây tai nạn, làm mất dẫn đến tranh chấp giữa chủ xe với người nước ngoài...

Tính đến 30/6/2013, Công an tỉnh Lâm Đồng đã lập biên bản xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực xuất, nhập cảnh 395 trường hợp (cảnh cáo 54, phạt tiền 341 trường hợp với tổng số tiền phạt là 452.050.000 đồng); buộc xuất cảnh 16 trường hợp; bắt giữ 3 người nước ngoài bị truy nã quốc tế, tạm giữ 04 trường hợp bàn giao Cục A72 Bộ Công an.

8. Tỉnh Gia Lai

- Từ năm 2001 đến tháng 6/2013 có 66.641 lượt người nước ngoài, Việt kiều đến đăng ký khai báo tạm trú tại địa bàn tỉnh Gia Lai (58;797 người nước ngoài, 7.844 Việt kiều) với nhiều mục đích khác nhau.

- Hiện nay tại địa phương có 68 người nước ngoài tạm trú dài hạn để học tập và lao động tại địa phương (gồm 19 học sinh và 48 lao động làm việc tại 6 doanh nghiệp, trường học, dự án).

- Từ 2001 đến nay có 28 tổ chức NGO đến triển khai dự án trên địa bàn với tổng số vốn tài trợ khoảng trên 5 triệu USD, hiện địa phương còn 3 tổ chức NGO đang hoạt động. Nhìn chung các đoàn nước ngoài đến hoạt động tại địa phương đều chấp hành đúng các quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên qua công tác quản lý, đã phát hiện một số trường hợp có hoạt động thu thập thông tin, phản ảnh sai sự thật về tình hình tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền... một số trường hợp có vi phạm như đi vào khu vực cấm, đi quá phạm vi giới hạn cho phép, tạm trú quá hạn...

- Nhìn chung trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Gia Lai được thực hiện tốt. Tuy nhiên vẫn còn một số cơ quan, doanh nghiệp chưa thực hiện tôt công tác phối hợp với cơ quan chức năng trong việc sử dụng lao động người nước ngoài, không xin phép UBND tỉnh khi làm việc với người nước ngoài, không đăng ký khai báo tạm trú...

9. Tỉnh Quảng Ninh

- Từ năm 2001 đến hết quý II/2013 đã có 11.599.134 lượt người nước ngoài thuộc 204 quốc tịch đến lưu trú tại tỉnh Quảng Ninh, số lượng người nước ngoài đến Quảng Ninh ngày càng tăng, năm sau cao hơn năm trước. Nhìn chung người nước ngoài đến Quảng Ninh làm việc, du lịch cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, tình hình người nước ngoài vi phạm, nhất là trên tuyến biên giới Việt – Trung đang có chiều hướng gia tăng và ngày càng phức tạp như tuyên truyền đạo trái phép, thu thập tin tức tình báo, buôn lậu, vận chuyển hàng cấm, ma túy, lừa đảo, đánh bạc, mại dâm, tội phạm công nghệ cao...

- Công tác quản lý tạm trú của người nước ngoài được tiến hành chặt chẽ, gắn với cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp và người nước ngoài. Đến nay đã có 250/328 khách sạn, 180/180 tàu có khách lưu trú trên vịnh Hạ Long thuộc 51 doanh nghiệp, 213 lượt doanh nghiệp có người nước ngoài làm việc, 06 sở, ngành của tỉnh đã được hướng dẫn thực hiện khai báo tạm trú của người nước ngoài qua mạng Internet; đã có 5 khách sạn lớn sử dụng máy đọc hộ chiếu để khai báo tạm trú cho người nước ngoài.

- Công an tỉnh đã cấp thị thực, gia hạn tạm trú cho 35.760 lượt người, cấp 649 thẻ tạm trú,cấp 1.361.057 thẻ du lịch. Qua công tác quản lý xuất, nhập cảnh đã phát hiện, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh 7.136 trường hợp, trong đó phạt tiền 4.126 trường hợp với tổng số tiền là 6.455.350.000 đồng, cảnh cáo 3.010 trường hợp. Sau khi xử phạt đã đẩy đuổi 2.850 trường hợp (chủ yếu là người Trung Quốc) và buộc xuất cảnh 227 trường hợp. Cơ quan an ninh điều tra đã thụ lý điều tra 10 vụ án hình sự liên quan đến 16 đối tượng người nước ngoài; Cơ quan Cảnh sát điều tra thụ lý điều tra 42 đối tượng phạm tội (chủ yếu là tội phạm ma túy), giải quyết 101 vụ tai nạn giao thông, 48 vụ đánh nhau gây mất trật tự công cộng liên quan đến người nước ngoài, 02 vụ có dấu hiệu lừa đảo, trộm cắp...

- Bộ đội Biên phòng tỉnh đã cấp 275.048 thị thực xuất nhập cảnh, 144.511 giấy phép tham quan, du lịch. Tiếp nhận 2.556 lượt người Việt Nam bị phía Trung Quốc bắt giữ, trao trả. Trao trả 142 lượt người cho phía Trung Quốc và phối hợp buộc xuất cảnh 2.435 lượt người Trung Quốc vi phạm pháp luật Việt Nam.

- Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch đã làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương và tổ chức quản lý hoạt động du lịch của các lữ hành quốc tế. Trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 19.000 phòng nghỉ các loại của trên 1000 cơ sở lưu trú du lịch; trên 500 tàu du lịch với khoảng 20.0000 chỗ ngồi và hàng trăm nhà hàng, cơ sở dịch vụ du lịch.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã phối hợp tốt với Công an tỉnh kiểm tra, quản lý lao động là người nước ngoài; từ năm 2001 đến hết quý II/2013 đã cấp 3134 giấy phép lao động cho người nước ngoài. Ban quản lý các khu kinh tế tỉnh cũng đã cấp 181 giấy phép, gia hạn 02 giấy phép cho lao động cho người nước ngoài.

10. Tỉnh Lạng Sơn

- Từ năm 2005 đến hết tháng 6/2013, tỉnh Lạng sơn đã tổ chức đón 437 đoàn khách quốc tế gồm 4057 lượt người từ 50 quốc gia đến thăm và làm việc tại địa phương. Việc tổ chức đón tiếp và quản lý "đoàn vào" thực hiện đúng các quy định về hoạt động đối ngoại.

- Số lượng người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ngày càng gia tăng, năm sau cao hơn năm trước. Từ năm 2001 đến tháng 6/2013, tại các cửa khẩu trên tuyến biên giới Lạng Sơn, các lực

lượng quản lý cửa khẩu đã làm thủ tục cho 4.819.994 lượt người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng hộ chiếu, 7.097.384 lượt người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng giấy thông hành. Đã chứng nhận tạm trú tại cửa khẩu cho 2.539.545 lượt người Trung Quốc, 406.085 lượt người nước thứ 3 nhập cảnh Việt Nam với nhiều mục đích khác nhau.

Cũng từ năm 2001 đến tháng 6/2013 các lực lượng quản lý cửa khẩu đã làm thủ tục cấp mới 16.144 thị thực và cấp đổi 1.205 thị thực đối với người ở nước đối diện và người nước thứ 3 xuất nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị và Đồng Đăng. Tiếp nhận làm thủ tục xét duyệt cấp 601 thẻ tạm trú; cấp thị thực và gia hạn thẻ tạm trú cho 1.485 lượt người nước ngoài; cấp 312.853 thẻ du lịch.

- Từ năm 2001 đến tháng 6/2013 có 106.640 lượt người nước ngoài đến đăng ký khai báo tạm trú. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 179 người nước ngoài làm việc tại 38 doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, trong đó có 18 trường hợp chưa cấp giấy phép lao động.

- Thông qua hoạt động kiểm soát xuất, nhập cảnh tại cửa khẩu, các lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý 22 vụ gồm 67 người nước ngoài vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh tại cửa khẩu. Đã phối hợp với công an các tỉnh nội địa trao trả 19 vụ, 137 trường hợp người Trung Quốc và đẩy trả lại Trung Quốc 429 vụ, 618 trường hợp nhập cảnh trái phép và vi phạm pháp luật Việt Nam.

- Từ năm 2001 đến tháng 6/2013, qua công tác quản lý tạm trú đã phát hiện, xử lý hành chính 333 vụ gồm 637 trường hợp vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh, trong đó có 460 người nước ngoài. Công an tỉnh đã thụ lý điều tra 29 vụ, 39 người Trung Quốc vi phạm pháp luật Việt Nam (chủ yếu là tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, trộm cắp); phát hiện, bắt giữ đề nghị truy tố 30 vụ gồm 34 đối tượng có hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, mua bán người, buôn bán hàng cấm...; trục xuất 01 vụ, 01 trường hợp; phát hiện, bắt giữ và bàn giao cho Trung Quốc 01 vụ 04 người Trung Quốc thuê đường truyền Internet để lừa đảo, trộm cắp tiền của Trung Quốc.

11. Tỉnh Hòa Bình

- Từ năm 2001 đến tháng 6/2013 đã có 19.121 đoàn với 149.734 lượt người nước ngoài đến tham quan, du lịch và làm việc trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Thông qua công tác quản lý cư trú đã đăng ký tạm trú 82.204 lượt người; gia hạn tạm trú, cấp thị thực và cấp thẻ tạm trú cho 2.428 lượt người nước ngoài.

- Tính đến thời điểm tháng 6/2013, trên địa bàn tỉnh có 25 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với số vốn đăng ký là 399 triệu USD. Các tổ chức NGO đến địa bàn Hòa Bình liên tục tăng, hàng năm có hàng trăm lượt đoàn với hàng nghìn lượt người đến địa phương để triển khai, kiểm tra các dự án; hoạt động của các tổ chức NGO bên cạnh những mặt tích cực giúp ta trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo cũng đã phát sinh nhiều hoạt động phức tạp, một số cá nhân lợi dụng danh nghĩa NGO để hoạt động thu thập tin tức trái chiều về thực hiện đường lối, chính sách

trong lĩnh vực tôn giáo, dân tộc, tuyên truyền đạo trái phép, móc nối tạo dựng cơ sở lâu dài; lợi dụng việc đưa các đoàn tình nguyện viên đến giúp địa phương để tổ chức biến tướng hoạt động du lịch...

Một số cá nhân, tổ chức người nước ngoài đến Hòa Bình với mục đích xin con nuôi, xin kết hôn với người địa phương ngày càng tăng; đã có khoảng 400 người nước ngoài nhận 270 trẻ em làm con nuôi; khoảng 700 phụ nữ sang Trung Quốc lấy chồng.

- Nhìn chung trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Hòa Bình được thực hiện tốt. Thông qua công tác quản lý cư trú đã phát hiện xử lý 223 trường hợp vi phạm quy định về xuất, nhập cảnh; phát hiện, bắt giữ và xử lý đúng pháp luật 03 trường hợp người nước ngoài có hành vi trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ngăn chặn kịp thời một số trường hợp truyền đạo trái phép, móc nối xây dựng cơ sở nhằm mục đích lâu dài.